

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
và các công ty con**

**Báo cáo Tài chính Hợp nhất
cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017**



Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng Nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0102325399 ngày 19 tháng 4 năm 2011

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần. lần điều chỉnh gần nhất là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102325399 cấp ngày 06 tháng 03 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy Chứng Nhận Đăng
Ký Đầu Tư số 2357762445 Ngày 30 tháng 12 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Ban Quản Lý Khu Công Nghệ Cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp và có giá trị trong vòng 50 năm kể từ ngày cấp.

Hội đồng Quản trị

Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch
Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch
Chu Việt Cường	Thành viên
Lưu Đức Khánh	Thành viên
Lương Thế Phúc	Thành viên

Ban Giám đốc

Nguyễn Thị Phương Thảo	Tổng Giám đốc
Lưu Đức Khánh	Giám đốc Điều hành
Nguyễn Đức Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Lương Thế Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Đình Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thúy Bình	Phó Tổng Giám đốc
Tô Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
Noraesyah Yvonne Binti Abdullah	Giám đốc Tài Chính

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Trần Dương Ngọc Thảo
Phạm Minh Hà
Đoàn Thu Hương

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Đôn Nguyên 1, Nhà 2C, Khu Đoàn Ngoại Giao Vạn Phúc,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam


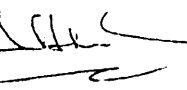
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng không VietJet ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính hợp nhất quý được trình bày từ trang 4 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) Tại ngày lập báo cáo này không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.


Thay mặt Ban Giám đốc
**CÔNG TY
CỔ PHẦN
HÀNG KHÔNG
VIETJET**

Nguyễn Thị Phương Thảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2017

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	31/03/2017	1/1/2017
	số	minh	VND	VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		12.430.063.290.932	10.313.466.695.796
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.793.605.166.127	2.741.341.465.691
Tiền	111		217.455.290.127	1.086.741.465.691
Các khoản tương đương tiền	112		2.576.149.876.000	1.654.600.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.400.000.000	1.400.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.400.000.000	1.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.275.994.338.655	7.128.756.627.068
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		2.089.273.531.322	1.758.360.196.227
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6(a)	200.736.526.198	91.313.966.035
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	6.985.984.281.135	5.279.082.464.806
Hàng tồn kho	140	12	151.468.411.944	137.930.296.755
Tài sản ngắn hạn khác	150		207.595.374.206	304.038.306.282
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	145.736.509.206	241.502.028.011
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15(b)	5.005.337.553	5.682.750.824
Thuế phải thu Nhà Nước	153	15(b)	56.853.527.447	56.853.527.447

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng kết quả kinh doanh hợp nhất năm tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		10.928.396.771.246	9.749.234.828.931
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.473.595.110.924	5.104.774.400.197
Trả trước cho người bán dài hạn	212	6(b)	701.500.000.000	701.500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	5.772.095.110.924	4.403.274.400.197
Tài sản cố định	220		1.034.395.394.888	1.047.218.102.390
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.028.202.492.688	1.039.794.508.192
<i>Nguyên giá</i>	222		1.106.049.902.463	1.102.569.142.629
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(77.847.409.775)	(62.774.634.437)
Tài sản cố định vô hình	227	10	6.192.902.200	7.423.594.198
<i>Nguyên giá</i>	228		27.580.216.155	27.580.216.155
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(21.387.313.955)	(20.156.621.957)
Tài sản dở dang dài hạn	240		208.517.464.774	181.302.243.599
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	208.517.464.774	181.302.243.599
Đầu tư tài chính dài hạn	250	8	68.424.629.818	68.424.629.818
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		60.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.868.448.000	7.868.448.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		556.181.818	556.181.818
Tài sản dài hạn khác	260		3.143.464.170.842	3.347.515.452.927
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	3.143.464.170.842	3.347.515.452.927
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.358.460.062.178	20.062.701.524.727

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		16.483.687.322.156	15.328.679.347.088
Nợ ngắn hạn	310		11.917.668.308.999	10.570.076.600.330
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	115.599.284.349	391.117.403.830
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		337.263.719.806	306.908.790.544
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(a)	206.440.542.485	197.975.487.841
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	921.686.260.225	492.497.152.683
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	1.071.913.868.323	1.306.836.634.360
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	883.506.773.479	528.665.316.650
Vay ngắn hạn	320	19(a)	6.828.723.717.130	6.102.386.845.285
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	1.552.534.143.202	1.243.688.969.137
Nợ dài hạn	330		4.566.019.013.157	4.758.602.746.758
Phải trả dài hạn khác	337		21.697.793.988	17.436.536.908
Vay dài hạn	338	19(b)	694.840.299.644	694.840.299.644
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21	92.417.284.214	82.471.339.722
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	3.757.063.635.311	3.963.854.570.484
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		6.874.772.740.022	4.734.022.177.639
Vốn chủ sở hữu	410	22	6.874.772.740.022	4.734.022.177.639
Vốn cổ phần	411	23	3.223.880.600.000	3.000.000.000.000
Thặng dư vốn	412		1.535.635.498.571	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		34.457.934.795	29.673.324.403
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.079.318.817.312	1.702.862.911.199
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.479.889.344	1.485.942.037
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		23.358.460.062.178	20.062.701.524.727

Ngày 20 tháng 4 năm 2017

Người lập:

Hoàng Mạnh Hà
 Quyền Kế Toán Trưởng



Giám đốc Điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng kết quả kinh doanh hợp nhất năm tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	31/03/2017	31/03/2016
	số	minh	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	5.106.695.828.510	6.590.041.845.906
Giá vốn hàng bán	11	25	4.335.961.311.990	5.767.003.548.676
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		770.734.516.520	823.038.297.230
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	23.232.051.986	24.821.286.599
Chi phí tài chính	22	27	177.512.626.274	102.210.613.024
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		60.377.962.735	34.953.529.174
Phần lỗ trong một công ty liên kết	24		(4.576.817.514)	(3.475.458.825)
Chi phí bán hàng	25	28	141.631.228.377	114.175.739.687
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	52.159.547.563	43.994.233.820
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		418.086.348.778	584.003.538.473
Thu nhập khác	31		366.645.842	52.367.616
Chi phí khác	32		13.165.414	7.934.956
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		353.480.428	44.432.660
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		418.439.829.206	584.047.971.133
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	32.044.031.294	26.742.991.620
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	9.945.944.492	13.230.225.704
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		376.449.853.420	544.074.753.809

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con

Bảng kết quả kinh doanh hợp nhất năm tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Form B 02a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	31/03/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		376.449.853.420	544.074.753.809
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		376.455.906.113	544.832.893.091
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(6.052.693)	(758.139.282)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.240	2.093

Ngày 20 tháng 4 năm 2017

Người lập:

Hoàng Mạnh Hà
Quyền Kế Toán Trưởng

Người duyệt:



Lưu Đôn Khánh
Tổng Giám Đốc Điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	31/03/2017	31/03/2016
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		418.439.829.206	584.047.971.177
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		16.259.657.063	3.917.648.640
Dự phòng	03		10.374.189.109	
Giá trị thời gian của tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng	03		65.545.981.692	34.635.264.146
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		2.795.091.048	(3.955.437.873)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7.022.930.486)	(6.651.353.837)
Phần lỗ trong một công ty liên kết	05		4.576.817.514	3.475.458.825
Lãi từ thanh lý công ty con và công ty liên kết	05		-	(6.068.363.394)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05			
Chi phí lãi vay	06		60.377.962.735	34.953.529.174
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		571.346.597.881	644.354.716.858
Biến động các khoản phải thu	09		(713.000.064.104)	(429.183.413.638)
Biến động hàng tồn kho	10		(13.538.115.189)	(6.364.176.794)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		234.130.496.743	63.347.758.105
Biến động chi phí trả trước	12		309.261.433.225	204.979.748.351
			388.200.348.556	477.134.632.882
Tiền lãi vay đã trả	14		(52.255.624.566)	(34.772.410.427)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(30.937.638.448)	(220.855.647)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		305.007.085.542	442.141.366.808
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(49.159.763.599)	(58.046.554.215)
Tiền chi đặt cọc mua máy bay	21		(2.834.127.250.057)	(413.592.916.929)
Tiền thu hồi các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	180.000.000.000
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		-	(9.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27		4.328.293.214	16.663.703.342
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(2.878.958.720.442)	(284.005.767.802)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03
năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	31/03/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		1.894.029.876.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		5.396.947.191.193	4.652.203.815.251
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.659.782.197.527)	(4.213.221.498.473)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		2.631.194.869.666	438.982.316.778
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		57.243.234.766	597.117.915.784
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		2.741.341.465.691	923.512.917.695
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(9.764.144.722)	-
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	61		4.784.610.392	(1.887.763.493)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		2.793.605.166.127	1.518.743.069.986

Ngày 20 tháng 4 năm 2017

Người lập:

Hoàng Mạnh Hà
 Quyền Kế Toán Trưởng

Người duyệt:

Đức Khánh
 Giám đốc Điều hành



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Ngày 6 tháng 2 năm 2017, theo Quyết định số 29/QĐ-SGDHCM của Sở Giao Dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh, với mã giao dịch là VJC.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và vận chuyển hàng hóa trên các tuyến đường bay nội địa và quốc tế và các hoạt động hỗ trợ liên quan và mua bán máy bay.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 Tập đoàn có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2017: 5 công ty con và 2 công ty liên kết) như sau:

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	Lợi ích sở hữu	
			31/03/2017	1/1/2017
<i>Các công ty con</i>				
Công ty Cổ phần VietjetAir Cargo	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận chuyển hàng hóa	Số 0312759089 ngày 27 tháng 8 năm 2014	90%	90%
Vietjet Air IVB No. I Limited (*)	Kinh doanh máy bay	Số 1825671 ngày 27 tháng 5 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air IVB No. II Limited (*)	Kinh doanh máy bay	Số 1825613 ngày 27 tháng 5 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air Singapore Pte. Ltd. (*)	Kinh doanh máy bay	Số 201408849N ngày 27 tháng 3 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air Ireland No. 1 Limited (*)	Kinh doanh máy bay	Số 544879 ngày 3 tháng 6 năm 2014	100%	100%
<i>Công ty liên kết</i>				
Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited (*) (**)	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và chuyển giao hàng hóa và hành khách. tổ chức các chuyến đi du lịch và các dịch vụ liên quan khác	Số 0105556100551 ngày 25 tháng 6 năm 2013	9%	9%
Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh(*)	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	Số 4201676638 ngày 5 tháng 2 năm 2016	10%	-

(*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017. Công ty chưa góp vốn vào các công ty con và công ty liên kết này.

(**) Vào ngày 29 tháng 6 năm 2015. Công ty đã chuyển nhượng một phần khoản đầu tư vào Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited cho một số cá nhân. Công ty vẫn duy trì ảnh hưởng đáng kể trong Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited sau khi thanh lý một phần khoản đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017. Tập đoàn có 2.523 nhân viên (1/1/2017: 2.494 nhân viên).

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất quý.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con. Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất quý bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất quý. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyên khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Công cụ tài chính kinh doanh

Công cụ tài chính kinh doanh là các loại công cụ tài chính được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty hoặc các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý